

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2025/ HNGĐ-ST  
Ngày: 26 - 12 - 2025  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kiều Thị Uyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
2. Bà Phạm Thị Thu Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Linh-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 445/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1983; địa chỉ: 1 khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1985; thường trú: Số A khu phố D, phường A, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: A, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 08 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn P có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 51/2012 gày 02/7/2012. Hôn nhân của tự nguyện, không ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông Phạm Văn P đánh bạc trên mạng gây nợ nần, thường xuyên nhậu nhẹt, có tình cảm với người phụ nữ khác, đánh đập chị Nguyễn Thị Hồng H, mặc dù Nguyễn Thị Hồng H đã nhiều lần cho anh Phạm Văn P cơ hội nhưng anh P không thay đổi.

Chị Nguyễn Thị Hồng H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn P.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 28/6/2012.

Hiện nay chị Nguyễn Thị Hồng H đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng, Ông Phạm Văn P làm quản lý tại Công ty TNHH A, địa chỉ: Số C, V, đường số H, khu công nghiệp V Singapore, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập hàng tháng hơn 20.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Hồng H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh Phạm Văn P đưa ra là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn anh Phạm Văn P tại bản tự khai ngày 17/11/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị Nguyễn Thị Hồng H về quá trình tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Anh Phạm Văn P xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân là do chị Nguyễn Thị Hồng H có tình cảm với người đàn ông khác, lén lút đi qua đêm. Tại bản tự khai ngày 17/11/2025 anh Phạm Văn P xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng H. Tại phiên tòa anh Phạm Văn P thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với lý do: mong muốn vợ chồng gặp trực tiếp để trao đổi về các vấn đề liên quan và con chung còn nhỏ.

Về con chung: Thống nhất về lời khai của chị Nguyễn Thị Hồng H về số con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh Phạm Văn P đồng ý với nguyện vọng của con chung ở với ai thì người đó sẽ nuôi, trong trường hợp chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi con thì anh Phạm Văn P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn P có căn nhà cấp 4, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tkhu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn và trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ; ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn P về việc cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; đối với tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Phạm Văn P. Anh Phạm Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số A khu phố D, phường A, thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay đang cư trú tại địa chỉ A, khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật được xác định là “ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Về thủ tục hòa giải: ngày 17/11/2025 TAND khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành hòa giải trong vụ án, các đương sự đã thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung giải quyết vụ án, tuy nhiên anh Phạm Văn P không đồng ý ký biên bản hòa giải nên Tòa án không lập biên bản hòa giải thành theo khoản 5 Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự và không ra quyết định công nhận công nhận thỏa thuận của đương sự theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về đề nghị hoãn phiên tòa của anh Phạm Văn P: Anh Phạm Văn P đề nghị hoãn phiên tòa ngày 26/12/2025 để Tòa án triệu tập chị Nguyễn Thị Hồng H tham gia phiên tòa nhằm mục đích trao đổi với nhau về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: chị Nguyễn Thị Hồng H đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải, các bên đương sự đã thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng anh Phạm Văn P không đồng ý ký tên nên Tòa án không lập biên bản hòa giải thành giữa các đương sự được. Lý do anh Phạm Văn P đưa ra để đề nghị được hoãn phiên tòa không thuộc một trong các trường hợp hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của anh Phạm Văn P.

## [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn P tự nguyện sống chung với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2012 ngày 02/07/2012 do Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn P là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Hồng H và A Phạm Văn P đều thống nhất trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ năm 2018, 2019. Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng H với anh Phạm Văn P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ nhiều năm, do vợ chồng không có sự chia sẻ, không quan tâm đến nhau, không tin tưởng lòng chung thủy của nhau. Tại phiên tòa anh Phạm Văn P không đồng ý ly hôn nhưng trong cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hồng H với anh Phạm Văn P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, mục đích hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng H với anh Phạm Văn P không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu được ly hôn là phù hợp với quy định của Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng H với anh Phạm Văn P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn P có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 28/06/2012. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Hồng H đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Nguyễn Tuyết N. Anh Phạm Văn P đồng ý với nguyện vọng của con chung về việc muốn ở với cha hay với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên và ý kiến của con trên 7 tuổi. Xét thấy, cháu Phạm Nguyễn Tuyết N là con gái đang độ tuổi phát sinh tâm, sinh lý nên cần sự chăm sóc từ người mẹ, đồng thời tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Phạm Nguyễn Tuyết N muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Hồng H vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Nguyễn Thị Hồng H. Anh Phạm Văn P có quyền đi lại thăm nom con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Văn P về việc cấp dưỡng nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 28/06/2012, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn. Anh Phạm Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H về việc ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Phạm Văn P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn với anh Phạm Văn P theo giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyền số 01/2012 ngày 02/07/2012 do Ủy ban nhân dân phường A, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp.

- Về con chung: giao con chung tên Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 28/06/2012 cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Phạm Văn P đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn P thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Nguyễn Tuyết N, sinh ngày 28/06/2012, mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024398 ngày 09/10/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Phạm Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM (01);
- VKSND khu vực 16, TP.HCM (01);
- Thi hành án DSTP.HCM (01);
- Dương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Kiều Thị Uyên**